

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2024/DS-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiên Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lô

2. Bà Mai Thị Bi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Phúc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2024/TLST-DS, ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2024/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2023/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S2

Trụ sở chính: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế H – Chức vụ: Trưởng Phòng G Giám đốc thuộc Ngân hàng TMCP S2 – Chi nhánh L (Theo Văn bản ủy quyền số 3525/2023/QĐ-PC ngày 25/12/2023).

Ông Nguyễn Thế H ủy quyền lại cho bà Tô Thị Thanh T – Chức vụ: Chuyên viên kinh doanh thẻ PGD Thủ Thừa thuộc Ngân hàng TMCP S2 – Chi nhánh L (Theo Văn bản ủy quyền ngày 12/06/2024)

Địa chỉ liên hệ phòng giao dịch: Số I H, khu phố C nhà thương, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Hồ Tấn S, sinh năm 2003; Địa chỉ: Số E ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2024, quá trình giải quyết vụ án, bà Tô Thị Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần S2 (viết tắt là Ngân hàng) thống nhất trình bày: Năm 2021, ông Hồ Tấn S có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) với Ngân hàng thương mại cổ phần S2. Căn cứ vào thu nhập của ông Hồ Tấn S, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng như sau:

+ Hạn mức sử dụng là: 20.000.000 đồng.

+ Mục đích: Tiêu dùng cá nhân.

+ Lãi suất thẻ: 2,6%/tháng.

+ Phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn và/hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng gửi cho chủ thẻ. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Hồ Tấn S đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 18.060.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 15/9/2023 đến nay ông Hồ Tấn S đã không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Thứ tự ưu tiên thanh toán căn cứ theo Điều 21 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Hồ Tấn S chỉ hứa hẹn nhưng không thanh toán nợ cho Ngân hàng. Do ông Hồ Tấn S vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 20 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng), Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng).

Tính đến ngày 12/6/2023, ông **Hồ Tấn S** còn nợ các khoản sau: Tiền nợ gốc là 22.236.555 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.659.560 đồng và tiền lãi quá hạn là 5.829.780 đồng. Tổng cộng tiền nợ gốc và tiền lãi là 39.725.895 đồng.

Mặc dù, Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc ông **Hồ Tấn S** và yêu cầu ông **Hồ Tấn S** có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn. Đồng thời, Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông **Hồ Tấn S** trả nợ. Tuy nhiên, ông **Hồ Tấn S** vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, **Ngân hàng thương mại cổ phần S2** khởi kiện yêu cầu ông **Hồ Tấn S** có nghĩa vụ thanh toán tổng cộng tiền nợ gốc và các khoản nợ lãi phát sinh tính đến ngày 12/6/2024 là 39.725.895 đồng và tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ vay với lãi suất theo quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông **Hồ Tấn S** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả số tiền vay còn nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng nêu trên, nhưng ông **S** vẫn không có văn bản ý kiến trình bày hay phản đối gì về các yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật. Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do bị đơn vắng mặt và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: **Ngân hàng thương mại cổ phần S2** khởi kiện yêu cầu ông **Hồ Tấn S** phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và tiền phát sinh theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng mà ông **Hồ Tấn S** đã ký kết với Ngân hàng. Căn cứ vào Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng được Ngân hàng duyệt ngày 26/3/2021 thì ông **S** ghi địa chỉ tại **số D ấp N, xã N, Thành phố T, tỉnh Long An** nhưng căn

cứ vào kết quả xác minh ngày 27/5/2024 xác định ông **Hồ Tân S1**, sinh năm 2003 không có hộ khẩu thường trú tại **số D ấp N, xã N, Thành phố T, tỉnh Long An** và thường trú tại **số E ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Long An**. Quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông **Hồ Tấn S** đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[4] Về chứng cứ: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không nộp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án. Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn đã giao nộp để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

[5] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn là Ngân hàng yêu cầu bị đơn là ông **Hồ Tấn S** phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2024 tổng cộng số tiền gốc và lãi: 39.725.895 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 22.236.555 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.659.560 đồng và tiền lãi quá hạn là 5.829.780 đồng và lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26 tháng 3 năm 2021 cho đến khi ông **S** thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S2**:

[6.1] Xét, Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng) được ký kết giữa ông **Hồ Tấn S** với Ngân hàng là hoàn toàn tự nguyện, khi ký hợp đồng nêu trên các bên có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Nội dung thỏa

thuận phù hợp với pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức hợp đồng phù hợp với các Điều 401, Điều 402, Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực đối với các bên tham gia giao dịch.

[6.2] Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày 15/9/2022 cho đến nay ông **S** đã không thanh toán nợ cho Ngân hàng. (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 21 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng). Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông **S** vẫn hứa hẹn nhưng không thanh toán nợ. Do ông **S** vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã quy định tại Điều 20 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng nên ngày 12/6/2024 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 24 của bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông **S** trả số tiền nêu trên là có căn cứ phù hợp với các Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy: Để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho Ngân hàng trong việc thu hồi nợ. Hội đồng xét xử xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông **S** phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2024 tổng cộng số tiền gốc và lãi: 39.725.895 đồng. Trong đó, tiền nợ gốc là 22.236.555 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.659.560 đồng và tiền lãi quá hạn là 5.829.780 đồng và lãi tiếp tục được tính kể từ ngày 13 tháng 6 năm 2024 theo mức lãi suất hai bên đã ký tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26 tháng 3 năm 2021 cho đến khi ông **S** thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng.

[6.3] Xét mức lãi suất và cách tính lãi theo thỏa thuận giữa Ngân hàng với ông **S** được áp dụng theo thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng) là phù hợp với quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, theo đó: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật.”

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7.1] Buộc ông **Hồ Tấn S** phải chịu 1.986.294 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước do yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S2** được chấp nhận.

[7.3] **Ngân hàng thương mại cổ phần S2** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 168, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 6, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng thương mại cổ phần S2** về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với ông **Hồ Tấn S**.

1.1 Buộc ông **Hồ Tấn S** phải có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng thương mại cổ phần S2** tổng cộng số tiền nợ gốc, tiền lãi tính đến ngày 12 tháng 6 năm 2024 tổng cộng số tiền gốc và lãi: 39.725.895 đồng (Ba mươi chín triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng). tiền nợ gốc là 22.236.555 đồng, tiền lãi trong hạn là 11.659.560 đồng và tiền lãi quá hạn là 5.829.780 đồng .

1.2 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/6/2024), ông **Hồ Tấn S** còn phải tiếp tục trả tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng thế tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Buộc ông **Hồ Tấn S** phải chịu 1.986.294 đồng (Một triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm chín mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp

vào ngân sách nhà nước.

3.3 Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 994.000 đồng (Chín trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009573 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- Chi cục THADS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Tiên Phương